

KT3-05981BTP9/2-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

29/10/2019
Page 01/03

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG PHÈN VÀNG NGUYÊN CHẤT
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Sample description
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and brand.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 18/10/2019
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 21/10/2019 - 29/10/2019
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI
Customer
KCN Biên Hòa 1, An Bình, Biên Hòa – Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / *See page* 02-03/03
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

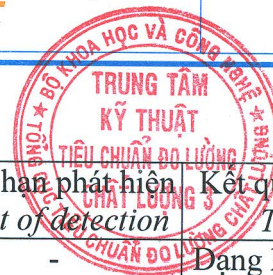
Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Trạng thái bên ngoài <i>Appearance</i>	QTTN/KT3 234:2019	-	Đạng hạt, nhiều kích thước khác nhau <i>Granular, different sizes</i>
7.2. Mùi vị / <i>Odor & taste</i>	QTTN/KT3 234:2019	-	Tinh thể đường cũng như dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có mùi vị lạ <i>Sugar crystal or sugar solution in water is sweet, free from foreign odor & taste</i>
7.3. Màu sắc / <i>Color</i>	QTTN/KT3 234:2019	-	Màu vàng đến nâu, khi pha trong nước cất cho dung dịch trong suốt <i>Yellow to brown, clear solution when adding in water</i>
7.4. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % <i>Sucrose content (m/m)</i>	GS 1/2/3/9 - 1 (2011) ICUMSA	-	99,2
7.5. Độ ẩm tính theo khối lượng, % <i>Moisture content (m/m)</i>	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA	-	0,14
7.6. Năng lượng/ <i>Calories</i> • kcal/100 g	QTTN/KT3 024:2018	-	400
7.7. Hàm lượng carbohydrate, g/100 g <i>Carbohydrate content</i>	US-FDA 21CFR 101.9	-	99,9
7.8. Hàm lượng béo, g/100 g <i>Fat content</i>	QTTN/KT3 139:2016 (Ref: FAO FNP 14/8 (P.10)-1986)	0,1	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.9. Hàm lượng protein, g/100 g <i>Protein content</i>	QTTN/KT3 140:2016 Kjeldahl method (Ref: FAO FNP 14/7 (P.221)-1986)	0,1	Không phát hiện <i>Not detected</i>



7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.10. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 – 083 : 2012 (Ref: AOAC 2016 (973.35))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content	QTTN/KT3 – 083 : 2012 (Ref: AOAC 2016 (973.35))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427:2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.13. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg Mercury content	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.14. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg Sulfur dioxide content	GS 2/1/7/9 – 33 (2011) ICUMSA	-	0,42
7.15. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , µg/kg Aflatoxin B ₁ content	AOAC 2016 (991.31)	0,25	Không phát hiện Not detected
7.16. Hàm lượng aflatoxin, µg/kg Aflatoxin content	AOAC 2016 (991.31)		
• B ₁		0,25	Không phát hiện Not detected
• B ₂		0,10	Không phát hiện Not detected
• G ₁		0,25	Không phát hiện Not detected
• G ₂		0,10	Không phát hiện Not detected

Ghi chú/ Note: Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

KT3-05981BTP9/2-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/10/2019

Page 01/02

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG PHÈN VÀNG NGUYÊN CHẤT
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and brand.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 18/10/2019
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 21/10/2019 - 29/10/2019
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI
Customer KCN Biên Hòa 1, An Bình, Biên Hòa – Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / *See page* 02/02
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information



7. Kết quả thử nghiệm

Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g <i>Mesophilic bacteria</i>	GS 2/3 - 41 (2011) ICUMSA 2017	-	2,5 x 10 ¹
7.2. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/10 g <i>Total yeasts & moulds</i>	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.3. Định tính GMO bằng phương pháp sàng lọc <i>Detection of GMO by screening method</i>			
• Promoter CaMV 35S	QTTN/KT3 108 : 2014 – Amd 01: 2017 ⁽¹⁾ Real time PCR	0,01% (w/w)	Không phát hiện Not detected
• Terminator NOS	QTTN/KT3 109 : 2014 Amd 01: 2017 ⁽²⁾ Real time PCR	0,01 % (w/w)	Không phát hiện Not detected
7.4. Coliform,	CFU/g ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.5. <i>E. Coli</i> ,	CFU/g ISO 16649 – 2 : 2001	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.6. <i>Staphylococcus aureus</i> ,	CFU/g AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.7. <i>Salmonella</i> spp. /25 g	ISO 6579-1:2017	-	Không phát hiện Not detected

Ghi chú/Notes: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g; 1 CFU/10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g; 1 CFU/10 g when the dish contains no colony.

⁽¹⁾ Tham khảo/refer to JRC Compendium of reference methods for GMO analysis
QT - ELE - 00 - 004

⁽²⁾ Tham khảo/refer to JRC Compendium of reference methods for GMO analysis
QL - ELE - 00 - 011



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam

Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam

C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274

Tel: (84-251) 383 6212

Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012

Fax: (84-251) 383 6298

Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn

E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn